

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

**Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	6 - 16

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Thế Hường	Chủ tịch
Ông Phan Tử Giang	Thành viên
Ông Đỗ Thành Hưng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 08 tháng 05 năm 2012)
Ông Vũ Minh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 08 tháng 05 năm 2012)
Ông Hoàng Huy Hà	Thành viên
Ông Vũ Minh Phú	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 08 tháng 05 năm 2012)
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 08 tháng 05 năm 2012)

#### Ban Giám đốc

Ông Phan Tử Giang	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Thành	Phó Tổng Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, *MU*



Phan Tử Giang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 15 tháng 07 năm 2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mẫu B 01-DN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	31/12/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>370.442.890.859</b>	<b>570.955.909.451</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>308.398.658.939</b>	<b>236.580.775.891</b>
1. Tiền	111		158.398.658.939	206.580.775.891
2. Các khoản tương đương tiền	112		150.000.000.000	30.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>34.177.233.201</b>	<b>311.325.903.109</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	7.094.156.536	304.985.235.158
2. Trả trước cho người bán	132		3.420.927.225	215.765.500
3. Phải thu theo tiến độ của hợp đồng xây dựng	134		-	-
4. Các khoản phải thu khác	135		23.662.149.440	6.124.902.451
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>20.419.355.045</b>	<b>22.157.903.423</b>
1. Hàng tồn kho	141	7	20.419.355.045	22.157.903.423
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.447.643.674</b>	<b>891.327.028</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		956.160.118	23.415.702
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.199.497.989	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		5.291.985.567	867.911.326
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =220+260)</b>	<b>200</b>		<b>1.032.647.978.921</b>	<b>1.103.367.872.498</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>895.191.563.946</b>	<b>964.030.549.881</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	858.295.510.293	922.739.214.149
- Nguyên giá	222		1.242.892.549.788	1.242.808.909.788
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(384.597.039.495)	(320.069.695.639)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	11.469.826.713	17.246.770.623
- Nguyên giá	228		35.269.773.145	35.269.773.145
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(23.799.946.432)	(18.023.002.522)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	25.426.226.940	24.044.565.109
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>137.456.414.975</b>	<b>139.337.322.617</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	137.105.120.171	138.986.027.813
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		351.294.804	351.294.804
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.403.090.869.780</b>	<b>1.674.323.781.949</b>


Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

**MẪU B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	31/12/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>917.234.187.217</b>	<b>1.021.174.681.727</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>92.673.738.120</b>	<b>196.614.232.630</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	-	-
2. Phải trả người bán	312		15.444.029.189	75.020.502.242
3. Người mua trả tiền trước	313		5.385.339.193	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	170.254.713	8.292.546.390
5. Phải trả nhân viên	315		4.380.265.468	16.937.982.999
6. Chi phí phải trả	316	15	49.891.582.685	77.820.183.756
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	14.827.031.854	15.905.698.005
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.575.235.018	2.637.319.238
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>824.560.449.097</b>	<b>824.560.449.097</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	824.560.449.097	824.560.449.097
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>485.856.682.563</b>	<b>653.149.100.222</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>474.806.812.687</b>	<b>641.357.496.101</b>
1. Vốn cổ phần	411		594.897.870.000	594.897.870.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.597.721.463	2.597.721.463
3. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(122.688.778.776)	43.861.904.638
<b>II. Nguồn kinh phí sự nghiệp</b>	<b>430</b>		<b>11.049.869.876</b>	<b>11.791.604.121</b>
1. Nguồn kinh phí sự nghiệp	432		-	(3.728.020.655)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		11.049.869.876	15.519.624.776
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.403.090.869.780</b>	<b>1.674.323.781.949</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	30/06/2013	31/12/2012
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ		
2. Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ		2.010.522,77
Euro		0,04

  
 Nguyễn Phương Hương  
 Người lập biểu  
 Ngày 15 tháng 07 năm 2013

  
 Nguyễn Văn Quang  
 Kế toán trưởng


  
 Phan Tử Giang  
 Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2/2013	Quý 1/2013
1. Doanh thu gộp	01	20	558.761.843	713.324.195
2. Doanh thu thuần (10 = 01)	10		558.761.843	713.324.195
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		106.103.136.816	-
4. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		(105.544.374.973)	713.324.195
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	4.883.337.529	3.284.434.567
6. Chi phí tài chính	22	22	20.508.006.787	21.746.056.913
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.464.675.528	21.709.989.491
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.888.844.596	7.063.122.257
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		(129.057.888.827)	(24.811.420.408)
9. Thu nhập khác	31		251.169.377	307.143.885
10. Chi phí khác	32		13.239.687.441	-
11. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40=31-32)	40		(12.988.518.064)	307.143.885
12. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		(142.046.406.891)	(24.504.276.523)
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	-	-
14. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
15. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		(142.046.406.891)	(24.504.276.523)
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24		

  
Nguyễn Phương Hường  
Người lập biểu  
Ngày 15 tháng 07 năm 2013

  
Nguyễn Văn Quang  
Kế toán trưởng


  
Phan Tử Giang  
Tổng Giám đốc

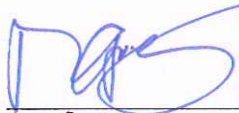


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

**MẪU B 03-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(155.888.534.139)	(11.450.683.054)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	65.834.532.866	67.188.352.030
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(468.407.764)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(7.535.959.303)	(6.314.878.496)
Chi phí lãi vay	06	42.174.665.019	39.961.299.567
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(55.415.295.557)	88.915.682.283
Biến động các khoản phải thu	09	275.949.171.919	103.525.837.585
Biến động hàng tồn kho	10	1.742.249.811	96.869.355.299
Biến động các khoản phải trả	11	(139.574.427.722)	(304.769.194.322)
Biến động chi phí trả trước	12	948.163.226	3.214.652.151
Tiền lãi vay đã trả	13	-	(29.045.346.418)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(17.140.796.862)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.728.000.000	13.833.750.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.486.137.806)	(1.873.779.038)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	65.750.927.009	(29.329.042.460)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(1.469.003.264)	(5.242.378.789)
2. Thu lãi tiền gửi	27	7.535.959.303	6.314.878.496
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.066.956.039	1.072.499.707
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền chi trả vốn góp cho các cổ đông	32		
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	30.363.179.099
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(94.142.560.000)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(63.779.380.901)
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm	50	71.817.883.048	(92.035.923.654)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	236.580.775.891	292.876.907.512
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		7.795.125
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	308.398.658.939	200.848.778.983

  
 Nguyễn Phương Hương  
 Người lập biểu  
 Ngày 15 tháng 07 năm 2013

  
 Nguyễn Văn Quang  
 Kế toán trưởng



  
 Phan Tử Giang  
 Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**1. THÔNG TIN CHUNG**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500806844 ngày 9 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 là 734 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 740 nhân viên).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên quan; kinh doanh các loại thiết bị và nguyên vật liệu liên quan.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc thiết bị	5 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 15
Phương tiện vận tải	2 - 6
Tài sản hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp	2 - 3
Tài sản khác	3

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm vi tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm vi tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì giá mua sẽ được vốn hóa và hạch toán như tài sản vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất là 47 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị thi công khu đất và chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 5 năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2013	31/03/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	576.681.527	998.962.088
Tiền gửi ngân hàng	157.821.977.412	239.741.294.999
Các khoản tương đương tiền	150.000.000.000	180.000.000.000
	<u>308.398.658.939</u>	<u>420.740.257.087</u>

Khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - chi nhánh Vũng Tàu thời hạn 1 tháng với lãi suất từ 9% /năm.

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	30/06/2013	31/03/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ban Quản Lý Dự Án Đóng Mới Giàn Khoan (Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)	-	49.007.329.954
ARKTIKMORNEFTEGAZRAZVEDKA Open Joint-Stock Company	5.943.280.203	
Khách hàng khác	1.150.876.333	1.179.241.371
	<u>7.094.156.536</u>	<u>50.186.571.325</u>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2013	31/03/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	14.669.886.988	14.942.570.065
Công cụ, dụng cụ	5.749.468.057	5.828.256.526
Chi phí SXKD dở dang	-	53.982.014.706
	<u>20.419.355.045</u>	<u>74.752.841.297</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thới Nhất  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***MẪU B 09-DN****8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH****NGUYÊN GIÁ**

Tại ngày 01/04/2013

Tăng trong năm

Kết chuyển từ chi phí XD CBDD

Tại ngày 30/06/2013

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại ngày 01/04/2013

Khấu hao trong năm

Tại ngày 30/06/2013

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày 30/06/2013

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Thiết bị hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ							
Tại ngày 01/04/2013	720.460.144.608	113.872.787.991	378.074.419.994	13.811.525.815	3.850.699.617	12.739.331.763	1.242.808.909.788
Tăng trong năm		49.100.000		34.540.000			83.640.000
Kết chuyển từ chi phí XD CBDD	720.460.144.608	113.921.887.991	378.074.419.994	13.846.065.815	3.850.699.617	12.739.331.763	1.242.892.549.788
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại ngày 01/04/2013	197.073.534.747	43.169.958.680	91.411.567.803	10.823.515.867	1.634.887.754	8.234.742.373	352.348.207.224
Khấu hao trong năm	22.167.097.242	4.126.349.705	4.437.345.891	463.642.444	304.397.934	749.999.055	32.248.832.271
Tại ngày 30/06/2013	219.240.631.989	47.296.308.385	95.848.913.694	11.287.158.311	1.939.285.688	8.984.741.428	384.597.039.495
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 30/06/2013	501.219.512.619	66.625.579.606	282.225.506.300	2.558.907.504	1.911.413.929	3.754.590.335	858.295.510.293

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 8.052.461.324 đồng (tại ngày 31 tháng 03 năm 2013: 7.451.341.129 đồng). Tài sản tạm dừng khấu hao là Cầu bánh xích Terex 1250T có giá trị là 230.968.860.174 đồng do hư hỏng nặng tại sự cố ngày 18/11/2012.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Phần mềm hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/04/2013	12.104.018.935	23.165.754.210	35.269.773.145
Tăng trong năm			
Tại ngày 30/06/2013	<u>12.104.018.935</u>	<u>23.165.754.210</u>	<u>35.269.773.145</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/04/2013	8.814.655.730	12.096.818.747	20.911.474.477
Khấu hao trong năm	957.992.439	1.930.479.516	2.888.471.955
Tại ngày 30/06/2013	<u>9.772.648.169</u>	<u>14.027.298.263</u>	<u>23.799.946.432</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/06/2013	<u>2.331.370.766</u>	<u>9.138.455.947</u>	<u>11.469.826.713</u>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 608.109.650 đồng (tại ngày 31 tháng 03 năm 2013: 608.109.650 đồng).

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	30/06/2013 VND	31/03/2013 VND
Tại ngày 1 tháng 4	25.268.805.707	24.044.565.109
Tăng trong năm	157.421.233	1.227.942.031
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	-
Kết chuyển sang tài sản vô hình	-	-
Kết chuyển sang chi phí trả trước	-	-
Kết chuyển sang chi phí khác	-	(3.701.433)
	<u>25.426.226.940</u>	<u>25.268.805.707</u>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/06/2013 VND	31/03/2013 VND
Tiền thuê đất	133.435.907.950	134.206.297.249
Khác	3.669.212.221	3.839.276.743
	<u>137.105.120.171</u>	<u>138.045.573.992</u>

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/06/2013 VND	31/03/2013 VND
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	-
Ngân Hàng TMCP Đại Dương	-	40.310.412.852
	<u>-</u>	<u>40.310.412.852</u>

Vay ngắn hạn là khoản vay vốn lưu động theo Hợp đồng tín dụng số 032/2012/HDDTD-OCEANBANK-08 ngày 19/06/2012 để trả cho nhà cung cấp với lãi suất 5%/năm. Khoản nợ này sẽ được thanh toán trong Quý II năm 2013 sau khi nhận được tiền từ Chủ đầu tư (PVN)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC	30/06/2013	31/03/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	166.048.296	160.526.404
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1	1
Thuế khác	4.206.416	829.594.289
	<u>170.254.713</u>	<u>990.120.694</u>
15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ	30/06/2013	31/03/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	49.891.582.685	88.276.992.011
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản ( gói thầu XL2 và EPC3)	-	-
Chi phí khác	7.824.111.884	8.097.657.011
	<u>49.891.582.685</u>	<u>96.374.649.895</u>
16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC	30/06/2013	31/03/2013
	VND	VND
Phải trả cổ tức	12.992.652.213	13.517.889.828
Kinh phí công đoàn	211.084.402	640.077.582
Bảo hiểm xã hội	589.270.620	-
Bảo hiểm y tế	120.915.646	-
Bảo hiểm thất nghiệp	53.360.300	-
Doanh thu chưa thực hiện	5.154.615.150	-
Phải trả khác	859.748.673	730.404.529
	<u>19.981.647.004</u>	<u>14.888.371.939</u>
17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN	30/06/2013	31/03/2013
	VND	VND
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	824.560.449.097	824.560.449.097
	<u>824.560.449.097</u>	<u>824.560.449.097</u>

Vay ngắn hạn từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam ("PVFC") được chuyển sang vay dài hạn theo Nghị quyết số 1021/NQ-DKVN của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ngày 06 tháng 2 năm 2013. Khoản vay dài hạn được trình bày ở Thuyết minh số 18.

Vay dài hạn từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam ("PVFC") gồm 2 hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số 11/2011/HDTDUT/TC DK-CNVT.TD ngày 17 tháng 05 năm 2011 với số tiền 641.000.000.000 đồng cho mục đích thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí". Khoản vay chịu lãi suất 4,9%/năm, 14,1%/năm, 12,1%/năm và là khoản vay tín chấp. Thời hạn vay ban đầu là 12 tháng từ ngày 24 tháng 5 năm 2011 đến ngày 24 tháng 5 năm 2012 và gia hạn đến 24/11/2014 theo Phụ lục số 01/11/2011/HDTDUT/TC DK-CNVT.TD. Khoản vay này đã được giải ngân hết trong năm 2011.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Hợp đồng tín dụng số 07/HDTDUT/TC DK-CNVT.TD ngày 18 tháng 03 năm 2011 với số tiền tối đa là 250.000.000.000 đồng cho mục đích thanh toán chi phí đầu tư của dự án “Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí”. Lãi suất vay bằng lãi suất huy động vốn từ tổ chức kinh tế kỳ hạn 12 tháng của PVFC tại thời điểm xác định lãi suất cộng 5%/năm đối với khoản vay giải ngân trước ngày 6 tháng 10 năm 2011 và 14,2%/năm đối với khoản vay giải ngân sau ngày 6 tháng 10 năm 2011. Khoản vay này là khoản vay tín chấp. Thời hạn vay là thời hạn từ khi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chuyển vốn ủy thác cho PVFC đến ngày 6 tháng 4 năm 2012. Trong năm 2011, Công ty đã giải ngân 153.197.270.000 đồng và trong năm 2012 đã giải ngân 30.363.179.097 đồng.

Theo Nghị quyết số 1021/NQ-DKVN của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“Tập đoàn”) ngày 06 tháng 2 năm 2013, Tập đoàn chấp thuận gia hạn các khoản vay đến hết năm 2018 và ân hạn trả nợ gốc đến hết năm 2013. Hai hợp đồng vay sẽ được chuyển thành một hợp đồng vay để quản lý từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

Khoản vay dài hạn được trả gốc 06 tháng 01 lần, ngày trả đầu tiên 30/06/2014, ngày trả sau cùng 31/12/2018.

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/04/2013	594.897.870.000	2.597.721.463	19.357.628.115	616.853.219.578
Lợi nhuận trong năm	-	-	(142.046.406.891)	(142.046.406.891)
Giảm vốn cổ phần	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-
Trích quỹ	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 30/06/2013</b>	<b>594.897.870.000</b>	<b>2.597.721.463</b>	<b>122.688.778.776</b>	<b>474.806.812.687</b>

Theo Nghị quyết số 030A/12/NQ-DHĐCĐ ngày 08 tháng 05 năm 2012 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt mức chi trả cổ tức năm 2011 từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2011 là 7% vốn điều lệ. Trong năm, Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông tỷ lệ chia cổ tức năm 2012 là 5% vốn điều lệ. Tuy nhiên, Công ty chưa công bố chia khoản cổ tức này và tỉ lệ chia cổ tức cuối cùng sẽ do các cổ đông quyết định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**Cổ phần**

	30/06/2013	31/03/2013
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	59.489.787	59.489.787
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	59.489.787	59.489.787
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	59.489.787	59.489.787

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết vốn điều lệ tại ngày 31/03/2013 và 30/06/2013 như sau:

	Tại ngày 31/03/2013 và ngày 30/06/2013	
	%	Số cổ phần
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	28,75	17.105.643
Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	7,53	4.479.257
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4,03	2.400.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Xí nghiệp liên doanh Dầu khí Việt-Xô	3,63	2.161.300
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	4,03	2.400.000
Công ty Cổ phần LILAMA 18	3,03	1.800.000
Các cổ đông khác	49,00	29.143.587
	<u>100</u>	<u>59.489.787</u>

**19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên quan ở các tỉnh, thành phố trong nước. Ban Giám đốc Công ty nhận thấy rằng không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực này. Trong năm hoạt động, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Vì thế, trong sự phù hợp với những quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận", Ban Giám đốc Công ty cho rằng báo cáo tài chính này không cần trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**20. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	30/06/2013 VND	31/03/2013 VND
Hợp đồng xây dựng giàn khoan với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	-
Dịch vụ khác	558.761.843	713.324.195
	<u>558.761.843</u>	<u>713.324.195</u>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	30/06/2013 VND	31/03/2013 VND
Lãi tiền gửi	4.753.457.000	2.782.502.303
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	129.880.529	501.932.264
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
	<u>4.883.337.529</u>	<u>3.284.434.567</u>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	30/06/2013 VND	31/03/2013 VND
Lãi tiền vay	20.464.675.528	21.709.989.491
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	43.331.259	36.067.422
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
	<u>20.508.006.787</u>	<u>21.746.056.913</u>

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	30/06/2013 VND	31/03/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	(142.046.406.891)	(24.504.276.523)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ		
<b>Thu nhập chịu thuế</b>		
Thu nhập chịu thuế hưởng thuế suất 10%		-
Thu nhập chịu thuế hưởng thuế suất 25%		-
Thu nhập được miễn thuế	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<u>-</u>	<u>-</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thới Nhất

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Theo Công văn số 6031/CT-TTHT do Cục thuế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ký ngày 17 tháng 10 năm 2008, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo ba mức thuế suất như sau:

- Đối với các hoạt động đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập với thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế trong mười năm kể từ năm bắt đầu hoạt động kinh doanh và theo thuế suất 25% cho các năm sau đó. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2010), và được giảm 50% thuế thu nhập trong ba năm tiếp theo.

- Đối với hoạt động thi công công trình thủy, sản xuất các loại vật liệu, sản xuất thiết bị cơ khí và điện tử phục vụ công tác chế tạo giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí và tàu thủy, chế tạo thiết bị và kết cấu thép cho các công trình hạ tầng và công nghiệp, nạo vét luồng lạch và san lấp tạo bãi, tạo mặt bằng xây dựng, cung cấp dịch vụ xây dựng cho công trình dầu khí, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập với thuế suất 25% theo quy định hiện hành. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2010), và được giảm 50% thuế thu nhập trong hai năm tiếp theo.

- Đối với các hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25%.

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	30/06/2013 VND	31/03/2013 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(142.046.406.891)	(24.504.276.523)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	59.489.787	59.489.787
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(2.388)</b>	<b>(412)</b>


**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

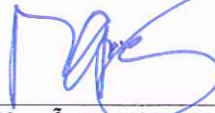
Số dư với các bên liên quan:

	30/06/2013 VND	31/03/2013 VND
Phải thu Ban Quản Lý Dự Án Đóng Mới Giàn Khoan (Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)	-	49.007.329.954

Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị như sau:

	30/06/2013 VND	31/03/2013 VND
Lương và thưởng	536.667.071	756.048.679
	<u>536.667.071</u>	<u>756.048.679</u>

  
 Nguyễn Phương Hương  
 Người lập biểu  
 Ngày 15 tháng 07 năm 2013

  
 Nguyễn Văn Quang  
 Kế toán trưởng

  
 Phan Tử Giang  
 Tổng Giám đốc